

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



PHẠM CHÍ DŨNG

**PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ QUYỀN CỦA BÊN CHO VAY
TRONG HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG, QUA THỰC TIỄN
TẠI TỈNH KON TUM**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2022

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Hồ Thị Vân Anh**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận
văn thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng
năm.....

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài:	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài:.....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu:.....	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	4
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu:.....	5
6. Những đóng góp mới của luận văn:	5
7. Kết cấu của luận văn:	6
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT BẢO VỆ QUYỀN CỦA BÊN CHO VAY TRONG HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG	7
1.1. Những vấn đề lý luận về bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng:	7
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng tín dụng:	7
1.1.2. Khái niệm và đặc trưng của quyền của bên cho vay:.....	8
1.2. Lý luận pháp luật về bảo vệ quyền của bên cho vay trong HĐTD:	9
1.2.1. Khái niệm và đặc trưng của việc bảo vệ quyền bên cho vay trong HĐTD:	9
1.2.2. Nội dung cơ bản pháp luật về bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng:.....	10
1.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến thực thi pháp luật về bảo vệ quyền bên cho vay trong HĐTD:	10
TIỂU KẾT CHƯƠNG 1	11
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ QUYỀN CỦA BÊN CHO VAY TRONG HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG TẠI TỈNH KON TUM	12
2.1. Thực trạng pháp luật về bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng	12
2.1.1. Căn cứ xác định quyền của bên cho vay trong HĐTD:	12
2.1.2. Vai trò của các chủ thể tham gia bảo vệ quyền bên cho vay trong hợp đồng tín dụng:.....	12
2.1.3. Đánh giá thực trạng pháp luật về bảo vệ quyền bên cho vay trong hợp đồng tín dụng:.....	13
2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng tại tỉnh Kon Tum:	14
2.2.1. Tình hình áp dụng pháp luật về bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng tại tỉnh Kon Tum:.....	14
2.2.2. Những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thực hiện pháp luật bảo vệ quyền bên cho vay trong hợp đồng tín dụng tại tỉnh Kon Tum.....	18
2.2.3. Nguyên nhân của những vướng mắc:	19
TIỂU KẾT CHƯƠNG 2	20
Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ QUYỀN CỦA BÊN CHO VAY TRONG HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG	21

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng.	21
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng tại Kon Tum:	22
3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng tại tỉnh Kon Tum:	22
3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng tại Kon Tum:	26
TIỂU KẾT CHƯƠNG 3	28
KẾT LUẬN	29
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài:

Khi xã hội ngày càng phát triển, nhu cầu về vốn để đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh là một trong những nhu cầu rất lớn. Các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có thể tự mình tích lũy hoặc vay mượn nguồn vốn từ nhiều nguồn khác nhau... Trong đó, giải pháp có thể đem lại nguồn vốn dồi dào cho nhu cầu về vốn đó là thông qua hợp đồng tín dụng tại các tổ chức tín dụng, ngân hàng. Với sự phát triển của quan hệ tín dụng ngày càng đa dạng, phong phú, đồng thời là động lực thúc đẩy mạnh mẽ nền kinh tế phát triển. Cho nên những năm qua, hệ thống pháp luật về kinh tế nói chung và hệ thống pháp luật về ngân hàng nói riêng tại Việt Nam đã được xây dựng, hoàn thiện theo hướng phù hợp với xu thế phát triển của xã hội và thực tiễn của Việt Nam, đồng thời phải phù hợp với thông lệ, chuẩn mực quốc tế. Hệ thống pháp luật về ngân hàng đã tạo ra khuôn khổ pháp lý quan trọng cho hoạt động các tổ chức tín dụng và đã góp phần tích cực làm cho hệ thống ngân hàng Việt Nam ngày càng được hoàn thiện, đóng vai trò quan trọng là trung gian tài chính, huy động, cung cấp nguồn vốn thông qua các dịch vụ của ngân hàng nhằm thúc đẩy và phát triển nền kinh tế. Tuy nhiên, trong quá trình hội nhập quốc tế, sự phát triển năng động của nền kinh tế và những mặt trái của nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa cho thấy cho hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật về ngân hàng nói riêng đã bộc lộ nhiều bất cập, không còn phù hợp với yêu cầu của thực tiễn.

Trong thời gian qua, Tòa án nhân dân các cấp thụ lý các loại án ngày càng gia tăng về số lượng và mức độ phức tạp, trung bình khoảng 500.000 vụ/năm. Trong đó, số vụ việc liên quan đến kinh doanh thương mại, tranh chấp hợp đồng tín dụng phát sinh từ hoạt động của ngân hàng chiếm tỷ lệ cao. Xét về bản chất của hoạt động cho vay của ngân hàng chính là hoạt động kinh doanh tiền tệ có điều kiện. Hoạt động cho vay đã góp phần thúc đẩy phát triển nền kinh tế, nhưng luôn chứa đựng nhiều rủi ro, tiềm ẩn nguy cơ, cũng như mâu thuẫn về quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng tín dụng dẫn đến tranh chấp pháp lý xảy ra. Các vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng diễn ra ngày càng có diễn biến phức tạp dẫn đến những tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết ngày một gia tăng. Mặc dù hệ thống pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung thường xuyên pháp luật về kinh tế vẫn bộc lộ nhiều bất cập, đặc biệt là các quy định về bảo vệ quyền bên cho vay trong hợp đồng tín dụng đối với tổ chức tín dụng hoạt động kém hiệu quả, hệ thống cưỡng chế thi hành các thỏa thuận, hợp đồng cũng không được xây dựng, vận hành có hiệu quả, đồng thời vẫn chưa thực sự là chỗ dựa đáng tin cậy cho việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bên cho vay. Theo Ủy ban Kinh tế các khoản nợ xấu tiềm ẩn còn ở mức cao, tổng nợ xấu nội bảng, nợ bán cho Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng (VAMC) chưa xử lý và nợ tiềm ẩn trở thành nợ xấu của toàn hệ thống các tổ chức tín dụng là 483,2 nghìn tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ 4,71%. Đồng thời, số lượng vụ việc thi hành án dân sự liên quan đến tín dụng ngân hàng trong năm 2020 đã thi hành xong 4.760 việc, thu được

số tiền là 32.669 tỷ đồng (đạt tỷ lệ 24,24% về việc, 31,72% về tiền), tuy nhiên đây chỉ là con số nhỏ so với vụ việc còn tồn đọng chưa được thi hành là 19.637 vụ, việc với số tiền tồn đọng, chưa được thi hành là 1.029,95 tỷ đồng¹.

Để xây dựng và thực thi có hiệu quả hệ thống pháp luật bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng, cũng như tăng cường nhận thức vai trò của hệ thống pháp luật trong việc bảo vệ quyền của các bên liên quan đặc biệt là tổ chức tín dụng khi tham gia hoạt động xây dựng và thực thi pháp luật là rất cần thiết nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Đồng thời làm sáng tỏ hơn nữa các vấn đề lý luận và thực tiễn nhằm bảo vệ quyền bên cho vay trong các hợp đồng tín dụng; Từ đó đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Với những lý do trên, tác giả lựa chọn đề tài ***“Pháp luật về bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng, qua thực tiễn tại tỉnh Kon Tum”*** làm đề tài nghiên cứu luận văn thạc sỹ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài:

Trong thời gian qua, đã có không ít các công trình nghiên cứu về chế định hợp đồng dân sự, với hợp đồng tín dụng là đối tượng nghiên cứu chính của rất nhiều công trình khoa học khác nhau ở Việt Nam. Các công trình nghiên cứu này đề cập đến các khía cạnh khác nhau về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, vi phạm nghĩa vụ hợp đồng tín dụng hoặc các vấn đề liên quan đến bảo vệ quyền chủ nợ trong tổ chức tín dụng như:

- Lương Khải Ân (2019), Luận án tiến sỹ *“Pháp luật Việt Nam về hợp đồng cho vay trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng”*, bảo vệ tại Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh. Tác giả đã trình bày những vấn đề lý luận và pháp luật về hợp đồng cho vay và hợp đồng cho vay trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng. Ngoài ra, tác giả còn đánh giá thực trạng, chỉ ra những ưu điểm, bất cập của pháp luật thực định về hợp đồng; Đồng thời, làm rõ những sai sót vướng mắc thường gặp của các tổ chức tín dụng khi soạn thảo hợp đồng, thực hiện quy trình cho vay, kiểm tra, giám sát, thu hồi vốn vay, từ đó đưa ra những giải pháp pháp lý, kiến nghị hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về hợp đồng cho vay trong lĩnh vực tín dụng.

- Mai Tiên Dũng (2020), Luận văn thạc sỹ *“Pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích của chủ nợ trong xử lý nợ xấu của ngân hàng thương mại bằng biện pháp bảo lãnh ở Việt Nam”*, bảo vệ tại Khoa Luật, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội. Trong công trình này, Tác giả đã trình bày các nội dung pháp luật bảo vệ quyền lợi ích chủ nợ xử lý nợ xấu ngân hàng thương mại. Đồng thời, Đánh giá những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân hạn chế của pháp luật bảo vệ quyền lợi ích chủ nợ xử lý nợ xấu ngân hàng thương mại. Tác giả nêu ra các định hướng và một số giải pháp hoàn thiện, nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật bảo vệ quyền lợi ích chủ nợ xử lý nợ xấu ngân hàng thương mại biện pháp bảo lãnh Việt Nam.

¹ Tổng cục thi hành án dân sự: Thực trạng thi hành án tín dụng ngân hàng, truy cập vào ngày 15/01/2022 tại https://thads.moj.gov.vn/haiduong/noidung/tintuc/lists/nghiencuutraodoi/view_detail.aspx?itemid=20

- Nguyễn Thị Huyền (2020), Luận văn thạc sỹ “*Bảo vệ quyền lợi của ngân hàng thương mại cho vay bằng biện pháp cầm cố tài sản theo pháp luật Việt Nam*”, bảo vệ tại Khoa Luật, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội. Nội dung nghiên cứu tập trung các vấn đề của cơ chế bảo vệ quyền lợi của ngân hàng thương mại, từ thực trạng pháp luật về xử lý tài sản cầm cố khi thế chấp tại ngân hàng thương mại và thông qua nghiên cứu đề tài khoa học đã đưa ra các giải pháp và kiến nghị, đề xuất để hoàn thiện cơ chế bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các tổ chức tín dụng nói chung và ngân hàng thương mại nói riêng.

- Trần Thị Mai Phương (2018), Luận văn thạc sỹ “*Bảo vệ quyền chủ nợ của tổ chức tín dụng theo pháp luật Việt Nam*”, bảo vệ tại Trường Đại học luật, Đại học Huế. Công trình nghiên cứu đã nêu lên những vấn đề lý luận về bảo vệ quyền chủ nợ của tổ chức tín dụng trong hoạt động cho vay. Thực trạng và thực tiễn thực hiện pháp luật bảo vệ quyền chủ nợ của tổ chức tín dụng trong hoạt động cho vay ở Việt Nam. Từ đó, đưa ra các định hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền chủ nợ của tổ chức tín dụng trong hoạt động cho vay.

- Dương Thị Ngọc Anh (2018), Luận văn thạc sỹ luật học “*Pháp luật về bảo vệ quyền chủ nợ của tổ chức tín dụng trong hoạt động cho vay bằng biện pháp thế chấp quyền sử dụng đất ở*”, bảo vệ tại Khoa Luật, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội. Trong công trình này, Tác giả đã trình bày những vấn đề lý luận về pháp luật bảo vệ quyền chủ nợ của tổ chức tín dụng thông qua các hoạt động cho vay bằng biện pháp đảm bảo thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất ở. Thông qua việc nghiên cứu, tác giả đã đánh giá các quy định về quyền chủ nợ và thực trạng áp dụng biện pháp thế chấp quyền sử dụng đất ở đảm bảo thực thi quyền chủ nợ của ngân hàng thương mại trong các hoạt động cho vay ở Việt Nam. Trên cơ sở đó đề xuất kiến nghị, phương hướng hoàn thiện hơn pháp luật về thế chấp quyền sử dụng đất ở.

- Nguyễn Trí Dũng (2018), Luận văn thạc sỹ “*Pháp luật về bảo vệ quyền của bên vay trong hợp đồng tín dụng*”, bảo vệ tại Khoa luật, Trường Đại học Trà Vinh. Nội dung của Luận văn đã khái quát hoá thực tế vay tài sản, bảo vệ quyền của bên vay với tư cách là bên yếu thế trong quan hệ pháp luật hợp đồng tín dụng, hạn chế tình trạng bên cho vay dùng lợi thế để gây bất lợi cho bên vay. Luận văn trung phân tích quy định pháp luật về bảo vệ quyền của bên vay và một số điều khoản trong hợp đồng vay tài sản mẫu của một số tổ chức tín dụng, từ đó làm rõ cơ sở lý luận về bảo vệ quyền bên vay. Từ kết quả nghiên cứu đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện khung pháp lý, bảo vệ quyền của bên vay, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng, làm lành mạnh hoá thị trường tài chính.

- TS. Phan Đăng Hải (2020), “*Hoàn thiện pháp luật về xử lý tài sản bảo đảm nhằm bảo vệ quyền lợi của tổ chức tín dụng*” đăng trên Tạp chí khoa học & đào tạo ngân hàng số 219 tháng 8/2020, Khoa luật, Học viện ngân hàng². Tác giả đã tập trung phân tích pháp luật về xử lý tài sản bảo đảm trong hoạt động

² TS. Phan Hải Đăng (2020): Tạp chí khoa học & đào tạo ngân hàng số 219 tháng 8/2020

cho vay của TCTD. Dựa trên quan điểm bảo vệ quyền lợi của TCTD, bài viết tập trung phân tích ba vấn đề gồm: Hoàn thiện khung pháp luật về xử lý tài sản bảo đảm; Hoàn thiện nguyên tắc xử lý tài sản bảo đảm và Hoàn thiện một số quy định cụ thể về xử lý tài sản bảo đảm.

Mặc dù đã có một số công trình nghiên cứu liên quan đến bảo vệ quyền chủ nợ trong tổ chức tín dụng bằng nhiều hình thức bảo đảm tài sản khác nhau. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu trên đều chưa đề cập đến pháp luật bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng. Trên cơ sở tham khảo, luận văn đã phát triển ở mức độ sâu sắc và toàn diện hơn những vấn đề lý luận về pháp luật bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng, đánh giá thực trạng, thực tiễn thực hiện pháp luật về bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng tại tỉnh Kon Tum; Từ đó đưa ra các định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật nhằm hạn chế nợ xấu, bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng một cách tốt nhất.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu:

** Mục đích nghiên cứu:* Làm sáng tỏ các quy định về pháp luật bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng, đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật về bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng nhằm đề xuất một số giải pháp cụ thể.

** Nhiệm vụ nghiên cứu:*

Một là, nghiên cứu các vấn đề lý luận về pháp luật bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng như: Khái niệm, đặc điểm và vai trò của việc bảo vệ quyền của bên cho vay.

Hai là, đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về pháp luật bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng, từ đó chỉ ra những khó khăn, vướng mắc, hạn chế và bất cập của pháp luật về bảo vệ quyền của bên cho vay.

Ba là, đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm xây dựng, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu:

Đề tài nghiên cứu bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng, đối tượng cụ thể là:

- Các quy định của pháp luật Việt Nam về hợp đồng tín dụng và bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng.
- Thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng qua thực tiễn tại tỉnh Kon Tum thông qua một số bản án tranh chấp cụ thể.

4.2. Phạm vi nghiên cứu:

- *Về mặt nội dung:* Luận văn tập trung nghiên cứu một số vấn đề lý luận cơ bản về bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng, hệ thống pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng.

- *Về phạm vi không gian:* Luận văn nghiên cứu thực tiễn áp dụng các quy định áp dụng về bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng trên phạm vi địa bàn tỉnh Kon Tum.

- *Về phạm vi thời gian:* Luận văn nghiên cứu các quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng thông qua các bản án, quyết định được giải quyết tại Tòa án từ năm 2018 đến năm 2021.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu:

5.1. Phương pháp luận:

Luận văn được tiếp cận, nghiên cứu dựa trên nền tảng các nguyên lý của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử theo quan điểm khoa học của chủ nghĩa Mác- Lênin. Đồng thời kết hợp với phương pháp phân tích lý luận với đánh giá thực tiễn.

5.2. Phương pháp nghiên cứu:

Phương pháp nghiên cứu của luận văn chủ yếu bao gồm:

- Phương pháp phân tích được sử dụng trong toàn bộ luận văn, được áp dụng để làm rõ những quy định cụ thể liên quan đến bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng.

- Phương pháp tổng hợp cũng được sử dụng trong toàn bộ luận văn. Trên cơ sở các tài liệu đã phân tích, so sánh, tác giả sử dụng phương pháp này để tổng hợp những vấn đề đã nêu ra, từ đó rút ra những nhận định, kiến nghị, những bổ sung cần thiết nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng

- Phương pháp thống kê được sử dụng ở Chương 2, thực hiện trong quá trình khảo sát thực tiễn hoạt động pháp luật, với các số liệu cụ thể giải quyết các loại án về tranh chấp hợp đồng tín dụng có liên quan đến việc bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Trên cơ sở đánh giá những vấn đề vướng mắc, hạn chế trong quá trình áp dụng pháp luật về bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng, từ đó đề xuất các kiến nghị liên quan và một số giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật.

6. Những đóng góp mới của luận văn:

6.1. Về mặt lý luận:

Luận văn là một sản phẩm nghiên cứu nhằm làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng tại các TCTD và thực trạng pháp luật về bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bên cho vay.

Luận văn góp phần làm rõ vai trò của việc bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng, đồng thời Luận văn nghiên cứu các vấn đề pháp lý về bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng, căn cứ áp dụng và biện pháp bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bên cho vay.

6.2. Về mặt thực tiễn:

Những quan điểm kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam liên quan đến bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng được đề xuất trong Luận văn sẽ là tài liệu tham khảo có giá trị cho các nhà lập pháp, các cơ quan có thẩm

quyền trong việc hoàn thiện các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng.

Ngoài ra, những nghiên cứu của luận văn cũng là tài liệu tham khảo cho các tổ chức tín dụng, cá nhân trong việc giải quyết tranh chấp có liên quan đến bảo vệ quyền của bên cho vay, đồng thời có các biện pháp thích hợp để hạn chế những rủi ro trong hợp đồng tín dụng.

7. Kết cấu của luận văn:

Ngoài phần lời mở đầu, lời cảm ơn, kết luận, mục lục, danh mục tài liệu tham khảo thì nội dung chính của luận văn được chia thành 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng

Chương 3: Định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT BẢO VỆ QUYỀN CỦA BÊN CHO VAY TRONG HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

1.1. Những vấn đề lý luận về bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng:

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng tín dụng:

1.1.1.1. Khái niệm về hợp đồng tín dụng:

Như vậy, HĐTD là sự thỏa thuận bằng văn bản giữa các tổ chức tín dụng và khách hàng là pháp nhân, cá nhân đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về việc xác lập quan hệ cho vay, trong đó tổ chức tín dụng giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định và trong một khoảng thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.

1.1.1.2. Đặc điểm của hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng có một số đặc điểm sau đây nhằm phân biệt với các loại hợp đồng khác trong giao dịch dân sự và thương mại:

- *Về chủ thể hợp đồng*³: Quan hệ pháp luật tín dụng là quan hệ tài sản- hàng hóa phát sinh trong quá trình sử dụng vốn tạm thời giữa ngân hàng và các tổ chức, cá nhân theo nguyên tắc có hoàn trả, dựa trên cơ sở tín nhiệm hoặc có sự bảo đảm, được các qui phạm pháp luật điều chỉnh. Tham gia quan hệ này có ít nhất gồm hai chủ thể: là bên cho vay và bên đi vay.

- *Bên cho vay*: Luôn là tổ chức tín dụng. Được thành lập và hoạt động theo Luật các Tổ chức tín dụng và các pháp luật liên quan.

- *Bên đi vay (Khách hàng) bao gồm:*

Nhóm khách hàng thứ nhất: Các doanh nghiệp, tổ chức: Doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các tổ chức khác.

Nhóm khách hàng thứ hai: Cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, doanh nghiệp tư nhân.

Nhóm khách hàng thứ ba: Các pháp nhân và cá nhân nước ngoài

- *Về đối tượng của hợp đồng*: Đối tượng hợp đồng tín dụng bao giờ cũng là tiền.

- *Về tính rủi ro của hợp đồng*⁴: Bởi vì, theo cam kết trong hợp đồng tín dụng bên cho vay chỉ có thể đòi tiền của bên vay sau một thời hạn nhất định. Chính vì vậy các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng cũng thường xảy ra và tỷ lệ cao hơn so với các loại hợp đồng khác.

- *Về cơ chế thực hiện quyền và nghĩa vụ*: Khi nào bên cho vay tiến hành giải ngân theo đúng hợp đồng tín dụng thì khi đó mới có quyền yêu cầu bên vay

³ Nguồn: Chủ thể tham gia quan hệ hợp đồng tín dụng tại <http://dankinhte.vn/chu-the-tham-gia-quan-he-hop-dong-tin-dung>

⁴ Các dạng rủi ro thường phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng thương mại, truy cập vào 15/01/2022 tại <https://econtract.efy.com.vn/hddt/cac-dang-rui-ro-thuong-phat-sinh-trong-qua-trinh-thuc-hien-hop-dong.html>

phải thực hiện đúng nghĩa vụ (*bao gồm: Sử dụng tiền vay đúng mục đích; hoàn trả tiền gốc và lãi đúng hạn như thỏa thuận...*)

1.1.2. Khái niệm và đặc trưng của quyền của bên cho vay:

1.1.2.1. Khái niệm về quyền bên cho vay:

Quyền bên cho vay là quyền chủ nợ đối với bên vay trong quan hệ vay nợ, theo đó bên cho vay (chủ nợ) được yêu cầu bên vay (con nợ) phải hoàn trả tiền vốn vay bao gồm cả gốc và lãi, tiền phạt do vi phạm hợp đồng (nếu có). Quyền của bên cho vay bao gồm tổng thể các quyền năng pháp lý như: Quyền quy định các điều kiện, thủ tục vay; Quyền được bảo đảm khoản vay và quyền được hưởng lợi ích phát sinh từ việc cho vay; Quyền thu hồi nợ...

1.1.2.2. Đặc trưng của quyền bên cho vay:

Quyền bên cho vay trong hợp đồng tín dụng còn có những đặc trưng cơ bản sau đây:

Thứ nhất, quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng là hoạt động cho vay tín dụng vốn dĩ luôn có độ rủi ro rất cao so với các quyền tài sản khác.

Thứ hai, quyền của bên cho vay trong HĐTD là hoạt động cho vay với tư cách là chủ thể đặc biệt của nền kinh tế với bản chất là một trung gian tài chính giữa người vay và bên cho vay.

Thứ ba, quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng với hoạt động cho vay phản ánh mối quan hệ giữa chủ nợ và con nợ vốn dĩ là quan hệ phụ thuộc lẫn nhau.

1.1.2.3. Cơ sở lý luận về bảo vệ quyền của bên cho vay:

Như vậy, bảo vệ quyền của bên cho vay cho dù trong trường hợp nào thì bản chất của nó cũng thể hiện mối quan hệ có liên quan đến tài sản giữa một bên cho vay (chủ nợ) và một bên là bên vay (con nợ), cần thiết phải được điều chỉnh bằng pháp luật nhằm đảm bảo quyền lợi của các bên. Vai trò của pháp luật được thể hiện thông qua những khía cạnh sau:

(i) Tạo lập cơ sở pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan giúp các chủ nợ, con nợ và các bên tham gia quan hệ tín dụng nắm bắt được các quy định về biện pháp xử lý, khả năng tiếp cận thủ tục cần thiết khi thực hiện quy trình xử lý.

(ii) Giảm chi phí cấp tín dụng của các TCTD cho doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi khi tiếp cận nguồn vốn.

(iii). Góp phần thực hiện mục tiêu bảo đảm an toàn và lành mạnh của hệ thống ngân hàng.

1.1.2.4. Các nguyên tắc cơ bản về bảo vệ quyền bên cho vay:

Các nguyên tắc cơ bản về bảo vệ quyền bên cho vay:

Thứ nhất, bảo vệ quyền bên cho vay trong hợp đồng tín dụng không chỉ là vấn đề riêng của TCTD mà còn là vấn đề chung của quốc gia, trong đó Nhà nước đóng vai trò rất quan trọng.

Thứ hai, việc bảo vệ quyền bên cho vay trong hợp đồng tín dụng có liên quan đến lợi ích của nhiều chủ thể khác nhau.

Thứ ba, Việc bảo vệ quyền bên cho vay trong hợp đồng tín dụng chủ yếu nhằm bảo vệ các TCTD trong nền kinh tế thị trường, cho nên Nhà nước cần có những quy định bảo đảm quyền ưu tiên đối với các chủ nợ (trong đó có các TCTD).

Thứ tư, Cơ chế điều chỉnh của pháp luật đối với việc bảo vệ quyền bên cho vay trong hợp đồng tín dụng thông qua TCTD cần hạn chế thấp nhất mức độ “*tự do hoá*” hoặc các hành xử mang tính tùy nghi của hệ thống tư pháp. Cấu trúc của pháp luật về bảo vệ quyền bên cho vay trong hợp đồng tín dụng thông qua TCTD bao gồm các nhóm quy phạm pháp luật chủ yếu sau:

- Các quy định về quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng;
- Các quy định về nghĩa vụ của chủ thể có liên quan nhằm bảo vệ quyền của bên cho vay;
- Các quy định về phương thức bảo vệ quyền bên cho vay trong hợp đồng tín dụng.

1.2. Lý luận pháp luật về bảo vệ quyền của bên cho vay trong HĐTD:

1.2.1. Khái niệm và đặc trưng của việc bảo vệ quyền bên cho vay trong HĐTD:

1.2.1.1. Khái niệm bảo vệ quyền bên cho vay trong HĐTD:

Từ quan điểm tiếp cận như vậy, tác giả luận văn cho rằng khái niệm “*Bảo vệ quyền bên cho vay trong hợp đồng tín dụng*” được hiểu như sau: Bảo vệ quyền bên cho vay trong hợp đồng tín dụng là việc TCTD và các chủ thể có liên quan sử dụng quyền năng pháp lý và các biện pháp theo quy định của pháp luật để giúp các TCTD tự thực hiện, bảo vệ được quyền, lợi ích hợp pháp của mình với tư cách là chủ nợ trong quan hệ hợp đồng tín dụng.

1.2.1.2. Các đặc trưng cơ bản quyền của bên cho vay trong HĐTD:

Thứ nhất, Xét về khía cạnh chủ thể, việc bảo vệ quyền bên cho vay trong hợp đồng tín dụng trước hết và chủ yếu phải do chính TCTD thực hiện theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, Xét về khía cạnh nội dung, việc bảo vệ quyền bên cho vay trong hợp đồng tín dụng thực chất là bảo đảm cho TCTD có thể thực hiện được tất cả các quyền năng pháp lý của TCTD thuộc phạm vi quyền bên cho vay trong hợp đồng tín dụng.

Thứ ba, xét về khía cạnh hình thức, việc bảo vệ quyền bên cho vay trong hợp đồng tín dụng thông qua TCTD được thực hiện theo một quy trình, thủ tục mang tính nguyên tắc như sau:

(i) Pháp luật ghi nhận các quyền năng cơ bản thuộc về quyền bên cho vay trong hợp đồng tín dụng thể hiện qua các văn bản quy phạm pháp luật;

(ii) Quy định trình tự, thủ tục thực hiện các quyền năng pháp lý của TCTD để bảo vệ quyền chủ nợ của mình như: thủ tục khiếu nại, khởi kiện, thủ tục thiết lập các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ trả nợ tiền vay, thủ tục áp dụng các biện pháp bảo toàn tài sản, thủ tục phát mãi tài sản bảo đảm...

(iii) Pháp luật quy định thẩm quyền và trách nhiệm pháp lý của các chủ thể có liên quan đến việc bảo vệ quyền bên cho vay trong hợp đồng tín dụng.

1.2.2. Nội dung cơ bản pháp luật về bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng:

Với tư cách là bên cấp tín dụng, đồng thời cũng là chủ nợ trong quan hệ tín dụng. Cho nên quyền cơ bản bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng được quy định như sau:

Một là, Quyền yêu cầu bên vay hoàn trả tiền vay đúng thỏa thuận, kể cả tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại (nếu có). Với tư cách là chủ nợ, bên cho vay sẽ thực hiện quyền yêu cầu đối với bên vay (người mắc nợ) bằng các giải pháp mà pháp luật cho phép như khiếu nại đòi tiền; chủ động phát mại tài sản bảo đảm tiền vay; thương lượng hoà giải hoặc khởi kiện bên vay trước một cơ quan tài phán có thẩm quyền để yêu cầu giải quyết...

Hai là, quyền bên cho vay trong hợp đồng tín dụng bao gồm các quyền như: Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay trong suốt thời gian vay vốn.

Ba là, quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng còn thể hiện thông qua việc yêu cầu bên vay hoàn trả tiền vay đúng thỏa thuận, kể cả tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại (nếu có).

Bốn là, quyền miễn, giảm lãi vốn vay⁵, gia hạn nợ⁶, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ đối với khách hàng vay để bảo đảm khả năng thu hồi nợ vay tốt nhất. Ngoài ra, bên cho vay còn có quyền phong tỏa tài sản của con nợ, mua bán nợ, bán các tài sản và đầu tư vào các hoạt động khác có hiệu quả hơn khi con nợ mất khả năng thanh toán và không thể phục hồi.

Năm là, quyền khiếu nại, khởi kiện khi con nợ không thanh toán tiền vay khi đến hạn.

Sáu là, quyền đòi nợ của TCTD theo hợp đồng tín dụng, phát sinh từ các khoản vay. Quyền đòi nợ chính là một tài sản, được quy định tại Điều 105 và Điều 115 Bộ luật dân sự 2015.

Bảy là, quyền được ưu tiên đòi nợ khách hàng vay hoặc bên thứ ba về các khoản nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng đã giao kết giữa TCTD với khách hàng.

Tám là, quyền bán nợ hay chuyển nhượng món nợ cho chủ thể khác theo quy định của pháp luật. Trong thực tiễn cho thấy có nhiều doanh nghiệp kinh doanh bằng việc thực hiện hoạt động mua bán nợ một cách chuyên nghiệp.

1.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến thực thi pháp luật về bảo vệ quyền bên cho vay trong HĐTD:

1.2.3.1. Điều kiện kinh tế, xã hội:

Khả năng huy động vốn của nền kinh tế tỷ lệ thuận với chất lượng của hệ thống pháp luật. Đồng thời, hệ thống pháp luật về bảo vệ quyền chủ nợ hữu hiệu cũng góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì sự tăng trưởng kinh tế và ngăn chặn khủng hoảng.

⁵ Điều 34 Nghị định số 34/2018/NĐ-CP, ngày 08/03/2018 của Chính phủ.

⁶ Điều 19 Thông tư 39/2016/NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam

1.2.3.2. Đường lối chính sách của Đảng:

Pháp luật Việt Nam là sự thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng và giữ vai trò chỉ đạo đối với nội dung, phương hướng xây dựng pháp luật ở Việt Nam, nhất là trong quá trình thực thi pháp luật về bảo vệ quyền bên cho vay trong hoạt động tín dụng.

1.2.3.3. Các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia kí kết:

Trong thời buổi hội nhập như hiện nay, không quốc gia nào có thể tồn tại một cách biệt lập, không có quan hệ với nước khác, bởi các điều luật trong hệ thống pháp luật phải phù hợp với các công ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia kí kết.

1.2.3.4. Các yếu tố khác:

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các yếu tố chi phí lợi ích và cơ sở vật chất cùng là yếu tố ảnh hưởng đến việc thực thi pháp luật về bảo vệ quyền bên cho vay trong hoạt động tín dụng.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Hợp đồng tín dụng là một chế định quan trọng trong pháp luật hợp đồng của Việt Nam. Đây là hình thức pháp lý ghi nhận mối quan hệ giữa các tổ chức tín dụng (bên cho vay) và khách hàng vay (bên vay) liên quan đến giao dịch vay tài sản là tiền tệ.

Về nguyên tắc, khi một hợp đồng tín dụng đã được xác lập và có hiệu lực pháp luật thì quyền và nghĩa vụ của các bên thỏa thuận trong hợp đồng luôn được Nhà nước thừa nhận và bảo vệ. Bên cạnh đó, trong quan hệ tín dụng, do tính rủi ro cao nên nhu cầu đảm bảo an toàn pháp lý cho các chủ thể tham gia giao dịch, đặc biệt là đối với các TCTD càng trở nên cấp thiết. Một hành lang pháp lý an toàn, minh bạch cùng với cơ chế thực thi hiệu quả sẽ tạo tiền đề cho các giao dịch tín dụng phát triển, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế.

Trong phạm vi Chương 1, tác giả đã tập trung nghiên cứu các vấn đề lý luận cơ bản nhất về bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng. Những vấn đề lý luận cơ bản trong Chương 1 là cơ sở, tiền đề để Luận văn tiếp tục nghiên cứu về thực trạng áp dụng pháp luật về trách nhiệm do vi phạm hợp đồng tín dụng trong Chương 2.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ QUYỀN CỦA BÊN CHO VAY TRONG HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG TẠI TỈNH KON TUM

2.1. Thực trạng pháp luật về bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng

2.1.1. Căn cứ xác định quyền của bên cho vay trong HĐTD:

Thứ nhất, căn cứ phát sinh quyền của bên cho vay chính là hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa tổ chức tín dụng với khách hàng. Có thể khẳng định đây chính là căn cứ pháp lý trực tiếp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên trong hoạt động cho vay tài sản.

Thứ hai, Quyền của bên cho vay còn phát sinh từ các quy định của pháp luật, bao gồm các quy định chung của Bộ luật dân sự và quy định luật chuyên ngành như: Luật các tổ chức tín dụng, Luật đất đai, Luật phá sản...

Tóm lại, có thể khẳng định việc tự nguyện thỏa thuận các nội dung trong hợp đồng tín dụng chính là cách để giúp các TCTD tự bảo vệ lợi ích chính đáng, hợp pháp của mình trong quan hệ tín dụng, đồng thời ràng buộc bên vay phải có nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn thanh toán.

2.1.2. Vai trò của các chủ thể tham gia bảo vệ quyền bên cho vay trong hợp đồng tín dụng:

2.1.2.1. Vai trò của pháp luật trong việc bảo vệ quyền của bên cho vay:

Hệ thống pháp luật bảo vệ quyền bên cho vay (chủ nợ) nói chung và quyền bên cho vay trong hợp đồng tín dụng nói riêng có các vai trò cơ bản sau:

Một là, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực của xã hội. Hệ thống pháp luật bảo vệ quyền bên cho vay sẽ cho phép giải phóng nguồn lực của xã hội ra khỏi các khu vực sử dụng yếu kém và tái phân bổ đến những các khu vực sử dụng có hiệu quả hơn

Hai là, góp phần đấu tranh, phòng chống hiệu quả các hiện tượng tiêu cực nảy sinh trong quá trình vận hành nền kinh tế thị trường, đồng thời bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ nợ và nâng cao trách nhiệm của bên vay trước những ràng buộc về điều kiện vay.

Ba là, Hệ thống pháp luật về bảo vệ quyền chủ nợ nếu phát huy hiệu quả, tính minh bạch, nâng cao tính ổn định, nhịp độ phát triển của nền kinh tế thì sẽ góp phần tạo dựng và duy trì niềm tin của các nhà đầu tư.

Bốn là, tạo ra tiền đề pháp lý vững chắc để ổn định các quan hệ kinh tế. Đồng thời, đây là cơ sở pháp lý để giải quyết các tranh chấp phát sinh một cách hiệu quả, minh bạch, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế.

2.1.2.2. Các chủ thể tham gia bảo vệ quyền bên cho vay trong HĐTD:

Thứ nhất, chủ thể đầu tiên và chủ yếu tham gia bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính là các tổ chức tín dụng, bởi đây là đối tượng cần được bảo vệ.

Thứ hai, chủ thể tiếp theo tham gia vào bảo vệ quyền của bên cho vay chính là khách hàng vay vốn và bên bảo đảm nghĩa vụ dân sự - nghĩa vụ trả nợ.

Thứ ba, Nhà nước có thẩm quyền liên quan là chủ thể tham gia vào bảo vệ quyền của bên cho vay trong quan hệ cho vay của hợp đồng tín dụng, thể hiện ở các khía cạnh sau:

(i), Nhà nước có nhiệm vụ thiết lập khung pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của các bên, nhất là quyền của bên cho vay trong TCTD.

(ii), Nhà nước có thẩm quyền trực tiếp tham gia quản lý, tổ chức thực hiện pháp luật nhằm bảo vệ quyền bên cho vay trong TCTD, thông qua các hoạt động hành pháp và tư pháp như: Giải quyết các yêu cầu, khiếu nại, tranh chấp liên quan đến chính sách cho vay trong HĐTD.

2.1.2.3. Các biện pháp bảo vệ quyền của bên cho vay trong HĐTD:

Thứ nhất, Nhóm biện pháp do TCTD thực hiện chủ yếu bao gồm các biện pháp mang tính chất nghiệp vụ nhằm hạn chế rủi ro tín dụng và đảm bảo khả năng thu hồi nợ. Cụ thể:

- Xây dựng, áp dụng và thực hiện quy trình quản trị rủi ro tín dụng.
- Áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay bằng hợp đồng cầm cố, hợp đồng thế chấp, bảo lãnh.

- Bảo đảm tín dụng (hay còn gọi bảo đảm tiền vay) là việc thiết lập điều kiện về kinh tế và pháp lý để đảm bảo thu hồi tín dụng đã cấp.

- Áp dụng biện pháp bảo đảm tài sản có thể phòng ngừa được nguy cơ bên vay tìm cách tẩu tán tài sản để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Thứ hai, Nhóm biện pháp do khách hàng vay và bên bảo đảm thực hiện.

Thứ ba, nhóm biện pháp do Nhà nước thực hiện, bao gồm:

- Bằng hoạt động lập pháp, ban hành quy định pháp luật nhằm ghi nhận quyền và các cơ chế bảo vệ quyền chủ nợ của TCTD;

- Tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật về tín dụng nhằm hỗ trợ các TCTD trong việc cho vay, giám sát việc sử dụng vốn vay và thu hồi nợ vay;

- Trong hoạt động tư pháp thì hỗ trợ các TCTD giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của các bên.

2.1.3. Đánh giá thực trạng pháp luật về bảo vệ quyền bên cho vay trong hợp đồng tín dụng:

2.1.3.1. Thành tựu đạt được:

Trong những năm qua, khuôn khổ pháp lý trong tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng ngày càng hoàn thiện hơn, với mục tiêu đảm bảo an toàn trong hoạt động của ngân hàng nói chung và bảo vệ quyền của bên cho vay nói riêng, ban hành tương đối đầy đủ các văn bản pháp luật quy định về điều chỉnh trực tiếp quan hệ hợp đồng tín dụng như: Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật phá sản năm 2014; Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung 2017); Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung 2014) và các văn bản dưới luật có liên quan.

Như vậy, có thể kết luận việc quy định các quyền của bên cho vay đã phân nào chứng minh được tính chất quan trọng trong bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng, bởi nếu quyền này được bảo vệ tốt hay không thì sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của bên tham gia hợp đồng tín dụng, cũng như lợi ích của Nhà nước trong nền kinh tế quốc dân.

2.1.3.2. Hạn chế, tồn tại:

Tuy nhiên, trong thực tiễn khi xử lý tài sản đảm bảo phát sinh nhiều khó khăn và hạn chế như:

Một là, khó khăn trong việc áp dụng biện pháp bảo đảm.

Hai là, thiếu quy định của pháp luật và chưa thống nhất đối với một số loại tài sản bảo đảm.

Ba là, chưa thống nhất trong xác định giá trị tài sản bảo đảm.

Bốn là, về bán nợ xấu và TSBĐ theo giá trị thị trường, phát triển thị trường mua bán nợ (Điều 5 Nghị quyết 42) vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

Năm là, về cơ chế tiếp cận thông tin về tình trạng TSBĐ (Điều 7 Nghị quyết 42).

Sáu là, về quyền thu giữ TSBĐ (Điều 7 Nghị quyết 42).

Bảy là, về áp dụng thủ tục rút gọn trong giải quyết tranh chấp về nghĩa vụ giao TSBĐ và xử lý TSBĐ (Điều 8 Nghị quyết 42).

2.1.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế:

* *Nguyên nhân khách quan:* Nghị quyết 42 thí điểm đã dẫn đến tâm lý ưu tiên áp dụng pháp luật chuyên ngành tại một số cơ quan hữu quan.

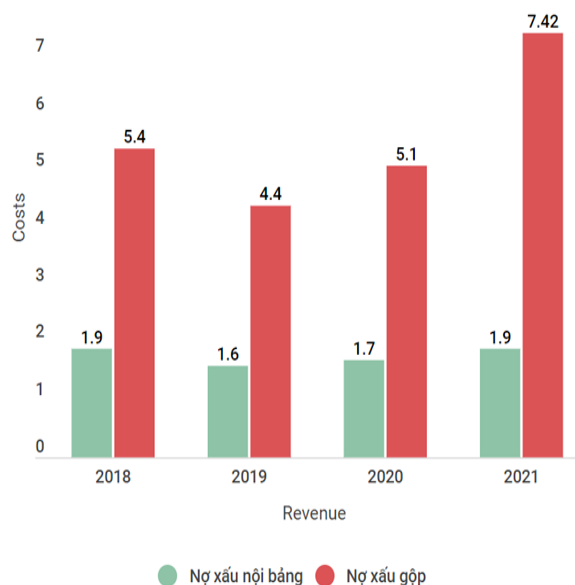
* *Nguyên nhân chủ quan:* Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đa dạng về hình thức, đồ sộ về số lượng khiến người dân rất khó tiếp cận, tìm hiểu và tuân thủ đúng yêu cầu của pháp luật.

2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng tại tỉnh Kon Tum:

2.2.1. Tình hình áp dụng pháp luật về bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng tại tỉnh Kon Tum:

Một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của thực hiện pháp luật bảo vệ quyền bên cho vay trong hợp đồng tín dụng là hạn chế và xử lý tốt nợ xấu. Chính vì thế, thời gian qua công tác xử lý nợ xấu luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và sự vào cuộc của các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội cùng quan tâm. Qua đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết 42 sau gần 5 năm thực hiện trong phạm vi cả nước đã đạt được kết quả tích cực. Theo báo cáo của các tổ chức tín dụng⁷ nêu rõ lũy kế từ ngày 15/8/2017 đến ngày 30/11/2021, toàn hệ thống các tổ chức tín dụng đã xử lý được 373.300 tỷ đồng nợ xấu; trong đó xử lý nợ xấu nội bảng là 193.300 tỷ đồng; xử lý các khoản nợ đang hạch toán ngoài bảng cân đối kế toán là 98.400 tỷ đồng...

⁷ Báo Việt Nam Plus: Đăng vào ngày 07/03/2022 tại <https://www.vietnamplus.vn/nhnn-de-xuat-keo-dai-them-3-nam-xu-ly-no-xau-theo-nghi-quyet-42/776856.vnp>



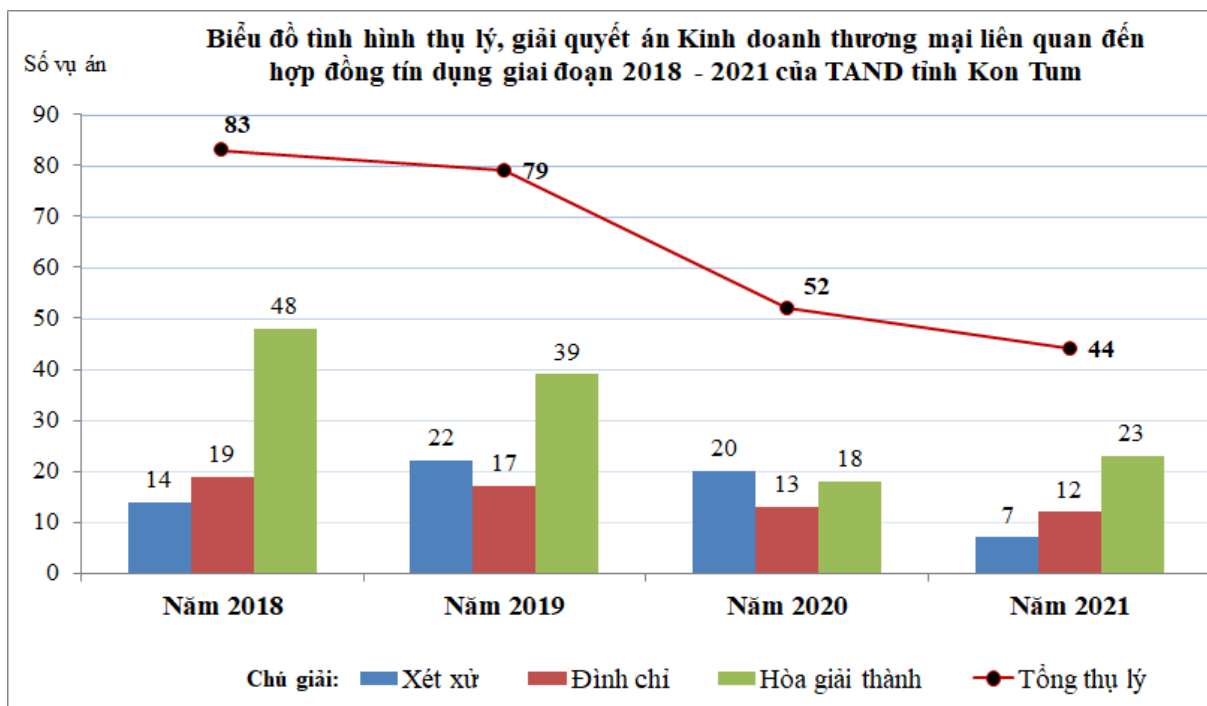
Trên địa bàn tỉnh Kon Tum⁸, trước khi có Nghị quyết 42 tính đến tháng 9/2017 tổng nợ xấu của các TCTD là gần 753 tỷ đồng. Trong đó, nợ xấu gần 360 tỷ đồng, nợ xấu đang hạch toán ngoại bảng hơn 208 tỷ đồng, nợ xấu bán cho Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC) hơn 185 tỷ đồng. Kể từ khi Nghị quyết 42 có hiệu lực pháp luật và thực hiện áp dụng theo Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 19/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Kon Tum đã ban hành Công văn 2100/UBND-KT ngày 04/8/2017 nhằm chỉ đạo thực hiện các nội dung về xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng. Theo đó, các giải pháp xử lý nợ xấu được triển khai đồng bộ cùng với các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa nợ xấu mới phát sinh đã góp phần quan trọng nâng cao chất lượng tín dụng và giảm tỷ lệ nợ xấu của hệ thống các TCTD. Tình hình nợ xấu của các TCTD trên địa bàn tỉnh Kon Tum⁹ tính đến 30/4/2018 là 406,123 tỉ đồng chiếm 1,6% tổng dư nợ. Đến năm 2020 tình hình dịch Covid-19 có diễn biến phức tạp đã tác động không nhỏ đến mọi mặt kinh tế- xã hội và các TCTD, công tác huy động vốn tăng trưởng khoảng 2,7% so với năm 2019, đặc biệt tỷ lệ nợ xấu ở mức 0,27%, tăng hơn so với cuối năm 2019 là 0,19%, đây cũng là tỷ lệ nợ xấu thấp nhất.

Trong những năm gần đây, các tranh chấp hợp đồng tín dụng và tranh chấp dân sự liên quan đến hoạt động cho vay của ngân hàng được Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Kon Tum thụ lý, giải quyết hầu hết đều liên quan đến nợ xấu, Từ khi Nghị quyết 42 được triển khai thi hành đã phần nào tháo gỡ được khó khăn, vướng mắc trong quá trình xử lý nợ xấu, do vậy số lượng án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng liên quan đến nợ xấu ngày càng giảm, tỷ lệ hòa giải thành được nâng lên¹⁰.

⁸ Xem thêm: Kon Tum Gần 753 tỷ đồng nợ xấu theo Nghị quyết 42 của Quốc hội, đăng vào ngày 8.11.2017 tại <https://kontumtv.vn/tin-tuc/tin-trong-nuoc/kon-tum-gan-753-ty-dong-no-xau-theo-nghi-quyet-42-cua-quooc-hoi>

⁹ Ngọc Chí – Công Luận (2020): Ngành Ngân hàng một năm vượt khó, Đãi phát thanh và truyền hình Kon Tum, tại <https://kontumtv.vn/tin-tuc/kinh-te/nganh-ngan-hang-mot-nam-vuot-kho>, đăng tải ngày 24/12/2020.

¹⁰ Tạp chí Ngân hàng: Trần Anh Quý & Vũ Mai Chi (2020), Kết quả đạt được trong công tác xử lý nợ xấu của ngành Ngân hàng.



Theo báo cáo thống kê số liệu của Văn phòng, Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum cung cấp¹¹: Tình hình thụ lý, giải quyết án Kinh doanh thương mại liên quan đến các tranh chấp hợp đồng tín dụng trong giai đoạn từ năm 2018 - 2021 là 258 vụ án, đã giải quyết 252 vụ, trong đó: Xét xử 63 vụ; Đình chỉ 61 vụ; Quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự (Hòa giải thành): 128 vụ, Tỷ lệ hòa giải thành chiếm 50,79% so với tổng số án đã giải quyết.

Năm	Tổng thụ lý liên quan đến HĐTD	Đã giải quyết	Hình thức giải quyết		
			Xét xử	Đình chỉ	Hòa giải thành
2018	83	81	14	19	48
2019	79	78	22	17	39
2020	52	51	20	13	18
2021	44	42	7	12	23
Tổng	258	252	63	61	128

Bảng 2.1: Số vụ án Kinh doanh thương mại giải quyết liên quan đến tranh chấp hợp đồng tín dụng tại TAND 2 cấp tỉnh Kon Tum (Năm 2018- 2021)

Qua bảng thống kê và biểu đồ kết hợp về tình hình giải quyết án kinh doanh thương mại liên quan đến hợp đồng tín dụng chủ yếu là tranh chấp giữa ngân hàng và công ty hoặc doanh nghiệp tư nhân, trong giai đoạn năm 2018 - 2021 nhận thấy số lượng án thụ lý giảm qua các năm, tỷ lệ hòa giải thành luôn đạt kết quả cao, số vụ án đem ra xét xử ngày càng giảm; hầu hết các quyết định đình chỉ giải quyết vụ án là do khi ngân hàng làm đơn khởi kiện ra Tòa án, bên vay nhận thức được nghĩa vụ của mình và tiến hành tất toán khoản vay, cho nên Ngân hàng tự nguyện rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, cũng có một số công ty hoặc

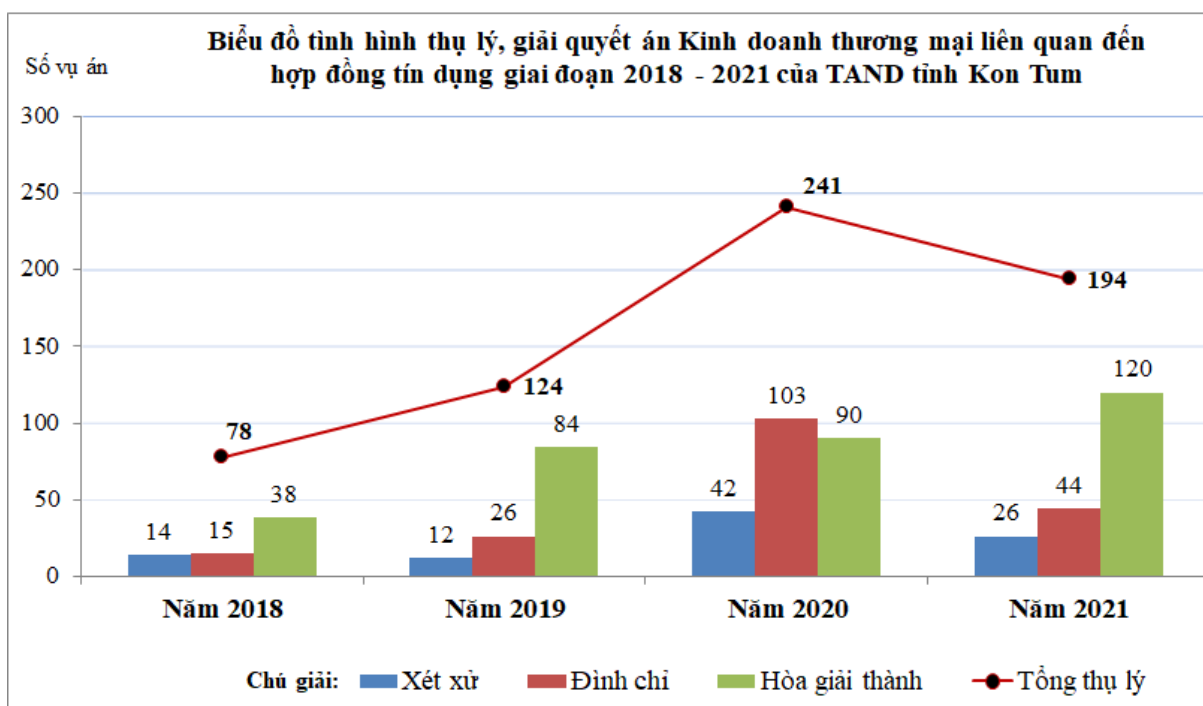
¹¹ Nguồn: Văn phòng Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

doanh nghiệp tư nhân làm ăn thu lỗ, mất khả năng thanh khoản, tài sản đảm bảo không đủ khả năng thanh toán hợp đồng tín dụng hoặc là đối tượng của nhiều khoản nợ, trong trường hợp này nguy cơ không thu hồi vốn vay là rất cao.

Bên cạnh đó, cũng trong giai đoạn từ năm 2018 - 2021, Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Kon Tum¹² đã thụ lý 637 vụ án dân sự có liên quan đến hoạt động của ngân hàng, đã giải quyết 614 vụ, trong đó: Xét xử 94 vụ; Đình chỉ 188 vụ; Quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự 332 vụ, Tỷ lệ hòa giải thành chiếm 54,07% so với tổng số án đã giải quyết:

Năm	Tổng thụ lý liên quan đến HĐTD	Đã giải quyết	Hình thức giải quyết		
			Xét xử	Đình chỉ	Hòa giải thành
2018	78	67	14	15	38
2019	124	122	12	26	84
2020	241	235	42	103	90
2021	194	190	26	44	120
Tổng	637	614	94	188	332

Bảng 2.2: Số vụ án Dân sự giải quyết liên quan đến tranh chấp hợp đồng tín dụng tại TAND 2 cấp tỉnh Kon Tum (giai đoạn năm 2018- 2021)



Qua bảng số liệu nhận thấy, số lượng thụ lý án dân sự có liên quan đến tranh chấp hợp đồng tín dụng tại TAND 2 cấp tỉnh Kon Tum tăng nhanh qua các năm, đỉnh điểm vào năm 2020 tăng 163 vụ so với năm 2018, nhưng đến năm 2021 có giảm tương đối; Nguyên nhân hầu hết các vụ án dân sự liên quan đến hợp đồng tín dụng là tranh chấp giữa ngân hàng và cá nhân, lượng án tăng cao vào năm 2020 nguyên nhân một phần do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 kinh

¹² Nguồn: Văn phòng ,Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

tế gặp nhiều khó khăn, thu nhập không được ổn định dẫn đến mất khả năng trả nợ cho ngân hàng. Tỷ lệ giải quyết án dân sự có liên quan đến hợp đồng tín dụng trong giai đoạn năm 2018 – 2021 luôn đạt kết quả cao chiếm 96,4% so với tổng số án đã thụ lý; Trong đó, số vụ hòa giải thành cả giai đoạn chiếm 54,07% so với số án đã giải quyết (332/614 vụ); Còn các quyết định đình chỉ chủ yếu là do khi ngân hàng tự nguyện rút đơn khởi kiện, bởi sau khi Tòa án tiến hành hòa giải phân tích hậu quả pháp lý, bị đơn (bên vay) nhận thức được nghĩa vụ của mình và tiến hành tất toán khoản vay. Tuy nhiên, có một số vụ án đình chỉ nguyên nhân là khi Ngân hàng khởi kiện ra Tòa án, bên vay do vi phạm nghĩa vụ trả nợ hoặc đã đến thời hạn thanh toán hợp đồng mà cố tình giấu địa chỉ hoặc bỏ đi khỏi nơi cư trú, gây khó khăn trong quá trình triệu tập. Bởi căn cứ xác định Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là nơi cư trú của bị đơn¹³ theo điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS 2015. Do không có tài sản đảm bảo và nguyên đơn không xác định được địa chỉ của bị đơn cư trú nên buộc ngân hàng phải rút đơn khởi kiện, đến khi nào xác định được địa chỉ, nơi cư trú mới thì mới tiếp tục khởi kiện vụ án được, trong trường hợp này nguy cơ không thu hồi nợ được là rất cao.

Như vậy, Có thể khẳng định Nghị quyết 42 đã phát huy hiệu quả đi vào cuộc sống, các TCTD đã chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng và các tổ chức có liên quan triển khai xử lý dứt điểm nợ xấu. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện áp dụng pháp luật về bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng và xử lý nợ xấu vẫn còn tồn tại một số khó khăn, hạn chế cần được tiếp tục điều chỉnh hoàn thiện.

2.2.2. Những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thực hiện pháp luật bảo vệ quyền bên cho vay trong hợp đồng tín dụng tại tỉnh Kon Tum

Nghị quyết 42 có hiệu lực pháp luật đã tháo gỡ nhiều vướng mắc trong xử lý nợ xấu của các TCTD như: Khẳng định quyền thu giữ tài TSBĐ của TCTD và công ty mua bán tài sản của các TCTD (VAMC); Cho phép mua bán nợ xấu và TSBĐ theo giá thị trường; Cho phép Tòa án áp dụng thủ tục để giải quyết tranh chấp liên quan đến TSBĐ; Mở rộng đối tượng mua bán nợ xấu đối với VAMC; Tuy nhiên, vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc qua thực tiễn tại tỉnh Kon Tum như:

Thứ nhất, vướng mắc liên quan đến việc quyền thu giữ TSBĐ của TCTD: Trong trường hợp khách hàng vi phạm nghĩa vụ trả nợ nhưng khi khách hàng (bên vay) không hợp tác bàn giao TSBĐ, chống đối khi tiến hành thu giữ, thậm chí cố tình giấu địa chỉ nơi cư trú thì TCTD vẫn phải khởi kiện ra Tòa án để được quyền xử lý TSBĐ thông qua Thi hành án. Bởi theo Nghị quyết 42¹⁴ vẫn chưa có quy định cơ quan nào có thẩm quyền cưỡng chế, yêu cầu buộc người đang chiếm hữu, sử dụng tài sản phải bàn giao tài sản cho TCTD giống như Cơ quan Thi hành án dân sự khi thi hành Bản án, Quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

¹³ Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử: Thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nơi bị đơn cư trú, truy cập vào ngày 15/02/2022 tại <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/xet-xu/tham-quyen-theo-lanh-tho-cua-toa-an-noi-bi-don-cu-tru>

¹⁴ Xem thêm: Điều 7 Nghị quyết 42/2017/QH14

Thứ hai, vướng mắc trong việc hoàn trả TSBĐ: Trường hợp tài sản đảm bảo là tang vật trong vụ việc vi phạm bị xử lý hành chính thì rất dễ bị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tịch thu tài sản và tiến hành bán đấu giá, số tiền thu được từ việc xử lý tài sản này sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật mà không được chuyển cho TCTD, việc xử lý TSBĐ là tang vật trong vụ việc vi phạm hành chính đã gây thiệt hại cho TCTD (TCTD bị mất TSBĐ) do khoản vay tín dụng của khách hàng không còn tài sản đảm bảo nữa. Từ đó sẽ gặp rất nhiều khó khăn khi thu hồi nợ, quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng không còn được đảm bảo từ tài sản thế chấp.

Thứ ba, vướng mắc trong thủ tục sang tên cho người mua TSBĐ: Khi làm thủ tục sang tên cho người mua TSBĐ thì gặp vướng mắc, bởi chủ tài sản chưa nộp đủ các loại thuế nên cơ quan thuế sẽ không chuyển thông báo nộp thuế cho Văn phòng Đăng ký đất đai. Hệ quả là không thực hiện được thủ tục sang tên cho người mua TSBĐ. Do vậy, buộc phải khởi kiện ra Tòa án để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự, tốn nhiều thời gian, chi phí và công sức cho các bên.

Thứ tư, vướng mắc trong chuyển nhượng dự án bất động sản:

Việc xử lý tài sản bảo đảm là dự án bất động sản¹⁵ theo Điều 10 Nghị quyết 42 gặp nhiều vướng mắc, ngoài việc tuân thủ theo quy định của pháp luật về xử lý tài sản bảo đảm, TCTD và bên nhận chuyển nhượng còn phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về đầu tư. Hiện tại các đạo luật về bất động sản vẫn chưa có quy định tương ứng với nội dung quy định của Nghị quyết 42.

Thứ năm, việc giải quyết tranh chấp theo thủ tục rút gọn rất hạn chế:

Khi đã có hướng dẫn của Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐTP¹⁶, việc hoàn thiện các thủ tục theo yêu cầu của Tòa án vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Ngoài ra, Tòa án chưa mạnh dạn triển khai thực hiện thủ tục rút gọn vì chưa có "tiền lệ", tâm lý "sợ sai sót" trong quá trình xét xử vẫn hiện hữu. Bên cạnh đó, việc áp dụng thủ tục xét xử rút gọn trong giải quyết tranh chấp liên quan đến TSBĐ tại Tòa án cũng còn gặp nhiều vướng mắc.

2.2.3. Nguyên nhân của những vướng mắc:

Do chưa làm tốt việc tập hợp, hệ thống hóa các quy phạm pháp luật, nên văn bản mới ban hành dễ chồng chéo, thậm chí, có trường hợp mâu thuẫn với các văn bản đang có hiệu lực. Trong khi đó, hầu hết văn bản hiện hành không có chỉ dẫn rõ ràng về các điều khoản đã hết hiệu lực; muốn tìm điều khoản nào đó, người sử dụng phải lần tìm toàn bộ các văn bản liên quan. Hệ quả là pháp luật có số lượng quá nhiều nhưng tính thống nhất, đồng bộ, khoa học và khả thi chưa cao. Việc hệ thống hóa chỉ được thực hiện ở mức độ tương đối và chủ yếu dựa vào nỗ lực đơn lẻ của các bộ, ngành, chưa phải là hoạt động mang tính toàn diện, thường xuyên, áp dụng đối với toàn bộ hệ thống pháp luật.

¹⁵ Điều 10 Nghị quyết 42/2017/QH14 quy định về Xử lý tài sản bảo đảm là dự án bất động sản;

¹⁶ xem thêm: Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu tại TAND

TIÊU KẾT CHƯƠNG 2

Trong chương này, luận văn đã phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật quy định bảo vệ bên cho vay trong tổ chức tín dụng được áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum, từ đó nhận thấy các bất cập trong cơ chế thực thi các quy định pháp luật đã làm cho môi trường kinh doanh của Việt Nam nói chung, môi trường kinh doanh của Tổ chức tín dụng nói riêng, chưa tạo điều kiện cho các TCTD thực hiện tốt vai trò trung gian tài chính của mình trong nền kinh tế, đồng thời làm giảm khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng của các doanh nghiệp. Các bất cập của hệ thống pháp luật và các vướng mắc nảy sinh trong việc thi hành các quy định về xử lý nợ xấu làm cho pháp luật bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng chưa được đảm bảo, hệ thống cưỡng chế thi hành chưa được hoàn thiện, vận hành có hiệu quả, chưa là chỗ dựa tin cậy cho các bên liên quan bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình

Pháp luật về bảo vệ quyền bên cho vay trong hợp đồng tín dụng có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm an toàn pháp lý đối với các giao dịch kinh doanh, qua đó bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia giao dịch. Việc hoàn thiện khung pháp lý bảo vệ quyền chủ nợ trong hoạt động cho vay của TCTD là một yêu cầu cấp thiết trong nền kinh tế ngày càng phát triển ở nước ta hiện nay.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ QUYỀN CỦA BÊN CHO VAY TRONG HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng.

Trong thời gian vừa qua, mặc dù được sửa đổi, bổ sung thường xuyên, nhưng hệ thống pháp luật nói chung và hệ thống pháp luật về kinh tế nói riêng bộc lộ nhiều bất cập, đặc biệt là các quy định về bảo vệ quyền chủ nợ của tổ chức tín dụng (TCTD). Các bất cập của hệ thống pháp luật và các vướng mắc nảy sinh trong việc thi hành các quy định pháp luật làm cho cơ chế bảo vệ quyền chủ nợ hợp pháp của TCTD hoạt động kém hiệu quả, hệ thống cưỡng chế thi hành các thỏa thuận, hợp đồng không được xây dựng, vận hành có hiệu quả, chưa là chỗ dựa tin cậy cho các bên liên quan bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình

Thứ nhất, Hoàn thiện điều khoản về nội dung của hợp đồng tín dụng để đảm bảo hiệu quả pháp lý, đồng thời bảo vệ quyền của bên cho vay trong TCTD. Theo Thông tư số 39/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động cho vay của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thì trong nội dung hợp đồng cho vay tại Điều 23 phải “*có đủ 14 nội dung bắt buộc*”, trong khi đó, Bộ luật Dân sự 2015 chỉ yêu cầu đơn giản về nội dung do các bên tự thỏa thuận. Để tránh trường hợp nếu có những vấn đề phát sinh thì Thông tư 39/2016/TT-NHNN cần sửa đổi theo hướng quy định của Bộ luật Dân sự.

Thứ hai, Hoàn thiện điều khoản về mục đích hợp đồng tín dụng. Để bảo đảm việc sử dụng vốn vay đúng mục đích và khả năng trả nợ của bên vay, Luật các Tổ chức tín dụng quy định, ngân hàng có trách nhiệm và có quyền kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của bên vay, cán bộ tín dụng cần có sự hướng dẫn khách hàng lập một danh sách, mua của ai, người bán ký vào. Tăng cường khả năng giám sát quá trình hoạt động kinh doanh cũng như quá trình sử dụng vốn vay của khách hàng, nếu phát hiện khách hàng sử dụng vốn vay sai mục đích, phải tiến hành lập biên bản, dừng giải ngân. Nếu cần thiết, phải báo ngay đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cùng phối hợp xử lý, đảm bảo tuân thủ quy định cũng như đảm bảo trách nhiệm pháp lý cho chính cán bộ tín dụng và cho những người quyết định đến khoản vay tại ngân hàng.

Thứ ba, Pháp luật về xử lý nợ mất khả năng thanh toán và bảo vệ quyền chủ nợ phải có quy định xử lý nợ mất khả năng thanh toán theo hướng không nên quá mềm mỏng đối với các công ty xấu và cũng không nên quá khắt khe đối với công ty tốt. Trong cơ cấu tài chính của doanh nghiệp, nợ vay có vai trò quan trọng trong việc khép ban giám đốc vào khuôn khổ kỷ luật, như việc hạn chế quyền tự do cũng như xử lý trách nhiệm của ban giám đốc trong việc tham gia vào các dự án gây lãng phí. Do vậy, pháp luật cần thể hiện vai trò ràng buộc của nợ vay thông qua các bằng biện pháp “trừng phạt” tương xứng để Ban giám đốc

nhận thức được ngay từ đầu các hậu quả nếu do lỗi cố ý để doanh nghiệp rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán.

Thứ tư, Hoàn thiện pháp luật theo hướng công khai, minh bạch, đảm bảo sự bình đẳng cho các chủ thể tham gia hợp đồng tín dụng. Đồng thời, cần phải coi quyền xử lý tài sản đảm bảo là quyền đương nhiên của TCTD. Nếu không có quyền này thì rất có thể các tranh chấp tín dụng liên quan đến tài sản đảm bảo đều bị khởi kiện ra Tòa án. Do vậy, cần có hướng dẫn cụ thể hóa Điều 301 Bộ luật dân sự 2015 theo hướng trao quyền thu giữ thu giữ tài sản đảm bảo cho các TCTD.

Thứ năm, cần có cơ chế mạnh mẽ từ phía Nhà nước để bảo vệ quyền của bên cho vay, khi người có nghĩa vụ liên quan đến tài sản đảm bảo không có thiện chí hợp tác. Điều này có nghĩa là pháp luật phải được thay đổi theo hướng tạo ra một cơ chế hữu hiệu hơn để buộc bên bảo đảm phải chuyển giao tài sản đó cho TCTD xử lý. Có như vậy, ý thức tự giác trả nợ của người đi vay mới được nâng cao, nợ xấu mới được xử lý triệt để.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng tại Kon Tum:

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng tại tỉnh Kon Tum:

Đề bảo vệ được quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng thì nhiệm vụ trọng tâm đặc biệt quan trọng là vấn đề xử lý nợ xấu tại các TCTD; Do vậy, cần luật hóa các quy định của Nghị quyết 42 và sửa đổi, bổ sung các nội dung khác để phù hợp với thực tiễn hoạt động xử lý nợ xấu, khắc phục những khó khăn, bất cập trong quá trình xử lý nợ xấu.

Thứ nhất, Luật hóa các quy định của Nghị quyết 42 dưới hình thức ban hành Luật xử lý nợ xấu tại các TCTD.

Nghị quyết 42 là Nghị quyết thí điểm nên hiệu lực chỉ kéo dài 5 năm, đến ngày 15/8/2022 Nghị quyết 42 sẽ hết hiệu lực thi hành¹⁷. Khi hết hiệu lực thi hành, toàn bộ cơ chế về xử lý nợ xấu, chính sách ưu tiên áp dụng theo Nghị quyết 42 đang được thực hiện sẽ chấm dứt, việc xử lý nợ xấu của TCTD, VAMC sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Trong khi đó, việc xác định xử lý nợ xấu theo Nghị quyết số 42 đã đạt kết quả tích cực như: xử lý nợ xấu bằng hình thức khách hàng tự nguyện trả nợ tăng mạnh, phản ánh ý thức trả nợ của khách hàng đã cải thiện. Khách hàng chủ động và hợp tác hơn trong việc trả nợ TCTD, hạn chế tình trạng chủ tài sản cố ý chây ỳ, chống đối nhằm kéo dài thời gian xử lý. Các biện pháp, chính sách tại Nghị quyết số 42 đã góp phần tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy sự phối hợp giữa các cá nhân, tổ chức, các cơ quan hữu quan với tổ chức tín dụng trong công tác xử lý nợ xấu, góp phần thúc đẩy việc xử lý nợ xấu được thực hiện một cách nhanh

¹⁷ Xem thêm: Điều 19 Nghị quyết 42/2017/QH14 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng

chóng, hiệu quả, quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng được bảo vệ tốt hơn.

** Những tác động về kinh tế - xã hội khi Nghị quyết 42 hết hiệu lực:* Việc chấm dứt cơ chế xử lý nợ xấu theo Nghị quyết 42 sẽ gặp phải những tác động như trước khi có Nghị quyết 42, cụ thể:

- Làm giảm ý thức trả nợ của khách hàng, quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng sẽ không được bảo vệ, làm ảnh hưởng tới niềm tin của công chúng, nhà đầu tư đối với chủ trương, chính sách của Nhà nước, Chính phủ về công tác tái cơ cấu và xử lý nợ xấu.

- Việc chấm dứt quyền thu giữ tài sản sẽ làm phát sinh chi phí do bên xử lý tài sản không có lựa chọn nào khác ngoài Tòa án để tiến hành thu giữ, xử lý TSĐB khi chủ tài sản không đồng ý.

- Việc ngừng chính sách áp dụng điều kiện chuyển nhượng tài sản bảo đảm là dự án bất động sản sẽ dẫn đến việc chuyển nhượng tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu là dự án bất động sản bắt buộc phải có Giấy chứng nhận theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 194 Luật Đất đai 2013. Điều này dẫn đến việc chuyển nhượng các dự án chưa có Giấy chứng nhận vẫn gặp phải khó khăn khi tiến hành các thủ tục chuyển nhượng dự án tại các cơ quan có thẩm quyền, ảnh hưởng đến quá trình xử lý nợ xấu.

- Đối với chính sách về thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản bảo đảm: Tăng nguồn thu của nhà nước, tuy nhiên, làm giảm khả năng thu hồi nợ của các TCTD. Việc phải nộp các khoản thuế trước khi thực hiện nghĩa vụ ưu tiên thanh toán cho bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng đã làm giảm số tiền thu hồi nợ của tổ chức tín dụng, nhiều trường hợp số tiền bán tài sản bảo đảm không đủ thu hồi nợ cho tổ chức tín dụng nhưng vẫn phải nộp thuế, gây khó khăn cho cả bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm và ảnh hưởng lớn đến quyền lợi chủ nợ có bảo đảm của tổ chức tín dụng.

** Luật hóa các quy định của Nghị quyết 42 dưới hình thức ban hành Luật xử lý nợ xấu tại các tổ chức tín dụng*

Theo đó, Luật xử lý nợ xấu tại các TCTD sẽ được kế thừa các quy định của Nghị quyết 42 còn phù hợp và sửa đổi, bổ sung các nội dung khác để phù hợp với thực tiễn hoạt động xử lý nợ xấu, khắc phục những khó khăn, bất cập khi thực hiện Nghị quyết 42, góp phần đẩy nhanh việc xử lý nợ xấu của TCTD/VAMC, cụ thể:

- Tiếp tục duy trì chính sách xử lý nợ xấu tại Nghị quyết 42 tạo điều kiện cho TCTD đẩy nhanh việc xử lý nợ xấu, thu hồi vốn nhanh, khơi thông nguồn vốn cho TCTD hoạt động, kinh doanh, góp phần ổn định hoạt động của TCTD, đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu của TCTD và tránh các nguy cơ tiềm ẩn của nền kinh tế.

- Việc tiếp tục duy trì chính sách về quyền thu giữ tài sản của TCTD/VAMC: Giảm các vụ việc phải giải quyết tại Tòa án, rút ngắn được quá trình xử lý TSĐB, qua đó giảm thiểu chi phí cho Nhà nước và TCTD/VAMC, tối đa hóa

giá trị thu nợ từ tài sản bảo đảm, giảm nợ xấu của hệ thống TCTD, tăng quyền tiếp cận tín dụng ngân hàng cho các doanh nghiệp.

- Việc duy trì chính sách không được kê biên đối với tài sản đang cầm cố, thế chấp tại TCTD/VAMC khi chưa đến hạn trả nợ được bảo đảm, mặt tiêu cực là làm giảm khả năng thi hành án của bên chủ tài sản cầm cố/thế chấp. Về mặt tích cực: Đảm bảo không làm xáo trộn tới hoạt động cấp vốn, sử dụng vốn giữa TCTD và khách hàng, qua đó không làm ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của các cá nhân, tổ chức vay vốn tại TCTD.

- Việc duy trì chính sách về thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý TSBĐ: Làm tăng khả năng thu hồi nợ của các TCTD, giảm áp lực tài chính cho TCTD trong quá trình xử lý nợ xấu, bảo đảm nguyên tắc khi xử lý tài sản bảo đảm phải ưu tiên thanh toán cho bên nhận tài sản bảo đảm.

- Việc xử lý nợ xấu nói chung, xử lý tài sản bảo đảm nói riêng, không chỉ đơn thuần giúp các TCTD thu hồi nợ mà còn bảo đảm quyền lợi của người gửi tiền và giữ vững sự ổn định, an toàn của hệ thống ngân hàng, hệ thống tài chính quốc gia.

Nói tóm lại, khi ban hành Luật xử lý nợ xấu tại các TCTD thay cho Nghị quyết 42 sẽ tạo khuôn khổ pháp lý đồng bộ, ổn định về xử lý nợ xấu đảm bảo phù hợp với thực tiễn và tiệm cận các chuẩn mực, thông lệ quốc tế cũng như giải quyết các vấn đề bất cập, xung đột pháp lý giữa các văn bản quy phạm pháp luật để giải quyết các khó khăn, vướng mắc mà TCTD, VAMC gặp phải trong quá trình xử lý nợ xấu của TCTD, tạo điều kiện cho TCTD thúc đẩy nhanh quá trình xử lý nợ xấu, từ đó sẽ bảo vệ được quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng thông qua hoạt động tín dụng ngân hàng.

Thứ hai, hoàn thiện các quy định liên quan đến việc quyền thu giữ TSBĐ của TCTD

Theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 42/2017/QH14, điều kiện TCTD có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu là “*Tại hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho TCTD có quyền thu giữ tài sản bảo đảm...*”. Tuy nhiên, các hợp đồng bảo đảm được ký kết trước thời điểm Nghị quyết 42 có hiệu lực đều không quy định nội dung này (vì tại thời điểm hợp đồng ký kết Nghị định 163/2006/NĐ-CP chưa có quy định). Do vậy, để đủ điều kiện áp dụng quyền thu giữ tài sản bảo đảm theo quy định trên, các TCTD phải đàm phán lại với bên vay/bên bảo đảm để ký lại hợp đồng bảo đảm có điều khoản thu giữ. Tuy nhiên, khách hàng thường không hợp tác (không ký lại nội dung điều chỉnh hợp đồng bảo đảm có điều khoản thu giữ).

Như vậy, Cần sửa đổi quy định về việc thu giữ tài sản bảo đảm theo hướng TCTD có quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho khoản nợ xấu mà không cần phải có thỏa thuận về việc bên nhận bảo đảm đồng ý cho TCTD có quyền thu giữ tài sản bảo đảm trong hợp đồng bảo đảm.

Thứ ba, Bổ sung quy định về việc hoàn trả tài sản bảo đảm là tang vật của các vụ việc hành chính:

Theo Điều 14 Nghị quyết 42 mới chỉ quy định về việc hoàn trả tài sản là vật chứng trong vụ án hình sự cho các TCTD mà chưa quy định về việc hoàn trả tài sản bảo đảm là tang vật của các vụ việc hành chính cho các TCTD. Trong các trường hợp khác nhau, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính là bán đấu giá tài sản bảo đảm là tang vật của vụ việc vi phạm hành chính theo quyết định xử lý vi phạm hành chính, số tiền thu được từ việc xử lý tài sản này sẽ được sử dụng theo quy định của pháp luật mà không chuyển cho TCTD. Hoặc sau khi xử lý tài sản bảo đảm là tang vật trong vụ việc vi phạm hành chính, cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ trả lại tài sản là tang vật trong vụ việc vi phạm hành chính cho chủ tài sản là bên bảo đảm. Như vậy việc xử lý tài sản bảo đảm là tang vật trong vụ việc vi phạm hành chính nêu trên đã dẫn đến việc TCTD không còn tài sản bảo đảm, gây thiệt hại cho TCTD.

Do vậy, cần bổ sung quy định về việc hoàn trả tài sản bảo đảm là tang vật của các vụ việc hành chính. Việc quy định về việc hoàn trả tài sản bảo đảm là tang vật của các vụ việc hành chính đảm bảo quyền lợi chính đáng của chủ nợ, đảm bảo việc xử lý nợ xấu được thực hiện một cách nhanh chóng, tránh thiệt hại cho TCTD khi số tiền xử lý tài sản là vật chứng trong vụ việc hành chính được hoàn trả cho bên bảo đảm.

Thứ tư, hoàn thiện các quy định việc giải quyết tranh chấp theo thủ tục rút gọn rất hạn chế.

Để triển khai Nghị quyết 42, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn về việc áp dụng thủ tục rút gọn. Tuy nhiên, trên thực tế, việc hoàn thiện các thủ tục theo yêu cầu của Tòa án để áp dụng thủ tục rút gọn gặp nhiều khó khăn, như việc thực hiện quy định về xác nhận công nợ, tài liệu về nơi cư trú của người bị kiện (người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan), do khi xảy ra nợ xấu, đa phần khách hàng trốn tránh, không hợp tác với TCTD để phối hợp xử lý, nên việc xác nhận này rất khó thực hiện;... Bên cạnh đó, theo quy định tại Khoản 3 Điều 317 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về điều kiện áp dụng thủ tục tố tụng rút gọn và Khoản 4 Điều 323 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm theo thủ tục rút gọn thì trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án theo thủ tục rút gọn, nếu xuất hiện tình tiết mới mà các bên đương sự không thống nhất làm cho vụ án không còn đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục rút gọn thì Tòa án phải ra quyết định chuyển vụ án sang giải quyết theo thủ tục thông thường. Như vậy, trường hợp bên có nghĩa vụ trả nợ/chủ tài sản/bên bảo đảm không hợp tác, chống đối, rất dễ dẫn đến trường hợp có tình tiết mới làm cho vụ án không còn bảo đảm điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 42 để đưa vụ án về thủ tục tố tụng thông thường, dẫn đến việc không thể áp dụng thủ tục tố tụng rút gọn theo quy định tại Nghị quyết 42.

Do vậy, Bổ sung quy định tại Điều 8 Nghị quyết 42 theo hướng có quy định loại trừ không áp dụng: quy định về trường hợp xuất hiện tình tiết mới trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án theo thủ tục rút gọn (khoản 3 Điều 317) và

quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm theo thủ tục rút gọn (khoản 4 Điều 323) của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đối với các vụ án giải quyết tranh chấp liên quan đến tài sản bảo đảm tại Tòa án.

3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng tại Kon Tum:

Thứ nhất, Có thể nói, để bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng thì cần làm tốt công tác xử lý nợ xấu, bởi vì nợ xấu không còn là vấn đề riêng của ngành ngân hàng, mà nó gắn liền với bài toán kinh tế vĩ mô, khai thông thị trường, phục hồi tổng cầu của nền kinh tế và khuôn khổ pháp lý điều chỉnh toàn bộ quá trình mua bán nợ, xử lý tài sản. Do vậy, cần phải có những giải pháp đồng bộ nhằm xử lý triệt để nợ xấu.

Cụ thể, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý điều chỉnh quá trình xử lý nợ xấu. Theo đó, Quốc hội cần sớm sửa đổi bổ sung Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhà ở theo hướng phát triển thị trường nhà ở, mở rộng đối tượng sở hữu nhà ở và hình thành thị trường nhà ở tương lai; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dân sự theo hướng bảo vệ quyền của chủ nợ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc bán, phát mại tài sản bảo đảm; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp theo hướng công khai, minh bạch hoạt động của doanh nghiệp, nghĩa vụ, trách nhiệm của doanh nghiệp đối với các khoản nợ ngân hàng; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản theo hướng cho phép chuyển nhượng dự án bất động sản.

Thứ hai, Tiếp tục tạo môi trường thông thoáng, nhất là cơ sở pháp lý cho việc xử lý, bán nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hướng trao quyền chủ động nhiều hơn cho VAMC và các TCTD trong việc thu giữ, xử lý tài sản bảo đảm tiền vay đi đôi với việc tăng cường tính minh bạch, công khai trong bán, xử lý nợ xấu và tài sản bảo đảm.

Công ty VAMC cần triển khai phương thức mua bán nợ xấu theo cơ chế thị trường. Để có nguồn vốn cho việc mua nợ xấu theo giá thị trường, cần bổ sung tài chính cho VAMC bao gồm tăng vốn điều lệ, sử dụng tiền vay nước ngoài của Chính phủ, NHNN phát hành tín phiếu để làm phương tiện mua nợ xấu, trong đó tập trung mua nợ xấu của doanh nghiệp nhà nước...

Thứ ba, Các quy định của pháp luật về xử lý tài sản bảo đảm cần chú trọng đến việc đề cao quyền chủ động của TCTD.

Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định khá cụ thể và chặt chẽ về xử lý tài sản bảo đảm gồm: Phương thức xử lý tài sản cầm cố, thế chấp; Bán tài sản cầm cố, thế chấp; Nhận chính tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm; Định giá tài sản bảo đảm; Thanh toán số tiền có được từ việc xử lý tài sản cầm cố, thế chấp; Thứ tự ưu tiên thanh toán giữa các bên cùng nhận tài sản bảo đảm. Quá trình xử lý tài sản bảo đảm còn gặp khó khăn nên cần có văn bản cụ thể hướng dẫn chi tiết, xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm quyền chủ động của TCTD khi xử lý tài sản bảo đảm.

Thứ tư, cần có quy định chung, thống nhất và đơn giản hoá các trình tự, thủ tục liên quan đến công tác xử lý tài sản bảo đảm, đặc biệt là thủ tục bán đấu giá tài sản, sửa đổi các quy định mang tính hành chính trong quy trình xử lý tài sản bảo đảm nhưng vẫn phải có cơ chế để tạo điều kiện cho bên dễ dàng tiếp cận với tài sản bảo đảm, nhanh chóng xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ; hài hòa giữa quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia hợp đồng tín dụng.

Thứ năm, Chủ động tham gia đóng góp ý kiến vào dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật quan trọng của Ngân hàng Nhà nước và các Bộ ngành, nhằm góp phần hoàn thiện thể chế pháp luật ngân hàng và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật, tạo lập khuôn khổ pháp lý đồng bộ, thống nhất cho việc thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm của Ngân hàng Nhà nước; chủ động nắm bắt những vướng mắc, bất cập, xung đột pháp lý giữa các văn bản quy phạm pháp luật ngành Ngân hàng với các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, tháo gỡ, đặc biệt tăng cường tổ chức các buổi làm việc, đối thoại trực tiếp với cơ quan soạn thảo và các Bộ ngành liên quan để cùng trao đổi, chia sẻ giúp các cơ quan thấu hiểu hơn thực tiễn hoạt động ngân hàng.

Thứ sáu, Xây dựng quy định xử lý trách nhiệm đối với cán bộ tín dụng làm công tác thẩm định tài sản bảo đảm.

Thẩm định tài sản là một trong những bước quan trọng của hoạt động cho vay thế chấp có tài sản đảm bảo. Kết quả của công tác thẩm định sẽ giúp các TCTD nắm rõ khả năng thanh toán của khách hàng. Việc thẩm định tốt, chính xác giá trị tài sản bảo đảm sẽ giúp cho TCTD xác định đúng hạn mức cho vay. Nếu cán bộ thẩm định làm việc thiếu trách nhiệm hoặc xác định sai giá trị tài sản bảo đảm thì TCTD sẽ gặp nhiều khó khăn trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm, và dẫn đến không thu hồi được nợ, làm tăng nguy cơ tỉ lệ nợ xấu. Do vậy, việc quy định trách nhiệm đối với cán bộ tín dụng làm công tác thẩm định tài sản sẽ góp phần nâng cao năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức và tinh thần trách nhiệm cho cán bộ tín dụng trực tiếp làm công tác thẩm định tài sản đảm bảo.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 3

Nội dung chương này đã đưa ra các định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng tại tỉnh Kon Tum. Bởi vì, pháp luật về xử lý nợ xấu và bảo vệ quyền của bên cho vay có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm an toàn pháp lý đối với các giao dịch tín dụng, qua đó bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia hợp đồng tín dụng. Để áp dụng pháp luật bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng qua thực tiễn tại Kon Tum ngày một hiệu quả thì cần phải thực hiện đồng bộ, đầy đủ, thường xuyên các nhóm giải pháp để hoàn thiện pháp luật.

Các định hướng hoàn thiện và giải pháp hoàn thiện pháp luật đặt ra nói trên cũng phần nào góp phần khắc phục, xử lý những thiếu sót trong quy trình cho vay và rủi ro tín dụng đạt ở mức an toàn cho phép trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Tuy nhiên, Nghị quyết 42 chỉ có hiệu lực trong 5 năm, đến ngày 15/8/2022 thì nghị quyết hết hiệu lực thi hành, về lâu dài nếu các biện pháp tự xử lý nợ xấu của TCTD không được hỗ trợ tích cực bởi sự phục hồi nền kinh tế, thực thi có hiệu quả các giải pháp điều hành nền kinh tế vĩ mô, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường bất động sản và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thì nợ xấu tiềm ẩn rất lớn, xử lý khó khăn hơn và có nguy cơ tăng mạnh. Do vậy, cần phải hoàn thiện khung pháp lý và luật hóa Nghị quyết số 42 về xử lý nợ xấu. Nếu được luật hóa, các quy định xử lý nợ xấu sẽ có giá trị pháp lý cao hơn, giúp các TCTD và cơ quan thẩm quyền Nhà nước có liên quan phối hợp xử lý nợ xấu đạt hiệu quả hơn, bảo vệ quyền của bên cho vay trong TCTD.

KẾT LUẬN

Thông qua việc nghiên cứu đề tài: “*Pháp luật về bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng qua thực tiễn tại tỉnh Kon Tum*”, luận văn đã làm rõ được những vấn đề lý luận về hợp đồng tín dụng ngân hàng, về pháp luật bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng, đánh giá thực trạng pháp luật bảo vệ quyền của bên cho vay, đề từ đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật về bảo vệ quyền của bên cho vay cho nhằm hạn chế nợ xấu. Về cơ bản, luận văn đã làm sáng tỏ các định nghĩa, nguyên tắc cơ bản và vai trò trong việc bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của Tổ chức tín dụng thông qua hợp đồng tín dụng.

Có thể nói khi bên vay lâm vào tình trạng khó khăn trong trả nợ, yêu cầu hỗ trợ của tổ chức xử lý nợ chỉ là giải pháp tình thế. Vấn đề là phải làm thế nào tìm ra nguyên nhân và bắt cập về bảo vệ quyền của bên cho vay trong hoạt động tín dụng để hạn chế tối đa thiệt hại cho chủ nợ. Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền của bên cho vay trong hợp đồng tín dụng là nền tảng cơ bản bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia hợp đồng. Bên cho vay trong hợp đồng tín dụng có thể áp dụng biện pháp tự bảo vệ hoặc yêu cầu được bảo vệ. Biện pháp tự bảo vệ dựa trên nguyên tắc thỏa thuận thống nhất ý chí giữa bên cho vay và bên vay.

Bộ luật Dân sự quy định các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự và biện pháp này cũng được cụ thể hóa trong hoạt động cho vay của TCTD. Theo đó, khi cho khách hàng vay bên cho vay phải nhận biết rủi ro mất khả năng thanh toán để yêu cầu khách hàng phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Bên vay có thể sử dụng tài sản thuộc quyền sở hữu để thế chấp hoặc cầm cố cho khoản vay hoặc bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng. Theo đó, bên cho vay có quyền ưu tiên thanh toán khi nhận thế chấp, cầm cố theo trình tự, thủ tục luật định.

Đối với biện pháp yêu cầu được bảo vệ, việc áp dụng biện pháp thuộc về trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền trong bảo vệ bên cho vay. Bộ luật Dân sự ghi nhận quyền khởi kiện khi một bên vi phạm hợp đồng tín dụng và gây thiệt hại. Theo đó, các TCTD có quyền đòi nợ phát sinh từ các giao dịch vay nợ. Còn đối với trường hợp khách hàng là doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản, Luật Phá sản cũng là cơ sở pháp lý để bên cho vay có quyền yêu cầu Tòa án xử lý phá sản doanh nghiệp để thu hồi nợ. Tuy nhiên, đối với trường hợp phá sản doanh nghiệp, TCTD cho khách hàng vay được chi trả theo thứ tự ưu tiên, nên tài sản của doanh nghiệp được bán có thể không thể thanh toán hết các khoản nợ như theo yêu cầu đơn khởi kiện.

Như vậy, căn cứ vào đặc thù của khoản vay, bên cho vay phải nhận biết quyền lợi của mình trong giao dịch và các rủi ro pháp lý phát sinh khi thiết lập quan hệ hợp đồng tín dụng và cân nhắc các biện pháp bảo vệ phù hợp.

Mặc dù các văn bản pháp luật liên tục được sửa đổi, bổ sung trong những năm qua và Nghị quyết số 42/2017/QH14 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ

chức tín dụng có hiệu lực từ ngày 15/8/2017 trong quá trình thực hiện đã phát huy hiệu quả, giải quyết được các vướng mắc trong quá trình xử lý nợ xấu.

Xây dựng một khung pháp lý hữu hiệu về bảo vệ quyền của bên cho vay trong TCTD thông qua hợp đồng tín dụng mang ý nghĩa quan trọng trong việc tạo lập lòng tin của nhà đầu tư, góp phần phân bổ và sử dụng nguồn lực xã hội có hiệu quả, tạo tiền đề pháp lý ổn định các quan hệ kinh tế, giảm chi phí cấp tín dụng, khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng của doanh nghiệp và góp phần làm lành mạnh hóa hoạt động tín dụng ngân hàng.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Văn bản pháp luật:

1. Chính phủ (2017), Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 19/7/2017 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng;
2. Chính phủ (2021), Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/03/2021 về quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.
3. Chính phủ (2017), Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 về “Đăng ký giao dịch bảo đảm”;
4. Chính phủ (2014), Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/05/2014 về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính;
5. Chính phủ (2019), Nghị định số 100/2019/NĐ-CP, ngày 30/12/2019 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.
6. Hội đồng Thẩm phán TANDTC (2018), Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu tại TAND.
7. Ngân hàng nhà nước (2013), Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013, quy định về phân loại tài sản cố, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
8. Ngân hàng Nhà nước (2016), Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.
9. Quốc hội (2010), Luật Các tổ chức tín dụng;
10. Quốc hội (2017), Luật Các tổ chức tín dụng sửa đổi;
11. Quốc hội (2005), Bộ luật Dân sự;
12. Quốc hội (2015), Bộ luật Dân sự;
13. Quốc hội (2013), Luật Đất đai;
14. Quốc hội (2014), Luật nhà ở;
15. Quốc hội (2005), Luật Thương mại;
16. Quốc hội (2017), Luật Thương mại sửa đổi;
17. Quốc hội (2014), Luật kinh doanh bất động sản;
18. Quốc hội (2017), Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 về “Thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng”;

II. Công trình nghiên cứu khoa học

1. Dương Thị Ngọc Anh (2018), Luận văn thạc sỹ luật học “Pháp luật về bảo vệ quyền chủ nợ của tổ chức tín dụng trong hoạt động cho vay bằng biện pháp thế chấp quyền sử dụng đất ở”,
2. Lương Khải Ân (2019), Luận án tiến sỹ “Pháp luật Việt Nam về hợp đồng cho vay trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng”,

3. Mai Tiến Dũng (2020), Luận văn thạc sỹ “Pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích của chủ nợ trong xử lý nợ xấu của ngân hàng thương mại bằng biện pháp bảo lãnh ở Việt Nam”,

4. Nguyễn Thị Huyền (2020), Luận văn thạc sỹ “Bảo vệ quyền lợi của ngân hàng thương mại cho vay bằng biện pháp cầm cố tài sản theo pháp luật Việt Nam”,

5. Nguyễn Trí Dũng (2018), Luận văn thạc sỹ “Pháp luật về bảo vệ quyền của bên vay trong hợp đồng tín dụng”,

6. Nguyễn Thùy Anh (2021), Xử lý nợ xấu: Thực tế từ áp dụng Nghị quyết 42/2017/QH14 tại các tổ chức tín dụng. Tạp chí tài chính;

7. Trần Thị Mai Phương (2018), Luận văn thạc sỹ “Bảo vệ quyền chủ nợ của tổ chức tín dụng theo pháp luật Việt Nam”,

8. Ts. Phan Đăng Hải (2020), “Hoàn thiện pháp luật về xử lý tài sản bảo đảm nhằm bảo vệ quyền lợi của tổ chức tín dụng” đăng trên Tạp chí khoa học & đào tạo ngân hàng số 219 tháng 8/2020,

III. Các tài liệu tham khảo khác:

1. Bản án số: 08/2019/DS-ST, Ngày: 07/6/2019 v/v tranh chấp “hợp đồng tín dụng” của TAND huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum

2. Bản án số: 11/2021/DS-ST, Ngày: 16/4/2021 v/v tranh chấp “hợp đồng tín dụng” của TAND huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum

3. Chính phủ (2021), Dự thảo Báo cáo Tổng kết thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng.

4. Hồ sơ vụ án dân sự Thụ lý số: 83/2021/TLST-DS và Quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự 97/2021/DS-ST, Ngày 28/9/2021 của TAND thành phố Kon Tum;

5. Hồ sơ vụ án Kinh doanh thương mại, Thụ lý số: 09/2021/TLST-KDTM ngày 06/7/2021 của TAND huyện Đăk Hà, hiện vụ án đang Tạm đình chỉ, Lý do: Chờ kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền.

6. Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum (2022), Báo cáo thống kê số liệu tình hình giải quyết các loại án của TAND 2 cấp tỉnh Kon Tum.